

Light

MAUD OB

Giày sneaker th ể **thao siêu** nh ẹ **cho nàng**

ả nẽ MAUD OB là giày SRA siêu nhẹ, thân giày thoáng khí và thiế t
n ệ , khữ n g đôi giày nàn to à n

Những vật liệu cao cấp hơn thép	Lướ
lót bên trong i tái chế	lướ
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	Phlon/cao su
i Loạ	OB / SRA, E
Phạm vi kích thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng thép	0.265 kg
ẩn hóa iêu chu	ASTM F2892:2024 EN ISO 20347:2012

4.24 kg



BLK



FUX



LGR



NAV



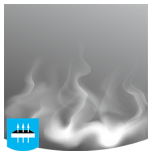
WHT



3D lưới
thoáng khí để điều chỉnh nhiệt độ và độ
ẩm t



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường
xuyên b ằng lót giày chỉnh hình
riêng m ái để thoả



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt
độ c ơ thể t oạt lâu hơn.



Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ê ngoài b ằng cao su Oxytraction bám
trên cả sàn ướt và SRB (SRA+ SRB).



SRA
lót là một trong những tính năng quan
giày SRA tiêu chuẩn và
phòng pha loãng.

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sốcupốẩm m &Đthuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn mộikhô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phải cách phù hầnh iệg Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20347	ế t ơn vị u	đo l Đ ờn g q
	Những vật l i thép Lư ớ cao cấp h ơn			
	Top: khả năng ntu ấm ớch ơ	? 0.8	1.4	iờ mg/cm/g
	Top: hi nuệ số ch ơ	? 15	15.5	mg/cm2
ót bên trong	i tái ch ưế ớ			
	Lớp lót: ntu ấm ớch ơ	? 2	28.9	iờ mg/cm/g
	lót: hi nuệ số ch ơ	? 20	231.3	mg/cm2
rong	Đ ệ m chân SJ làm t ừ mút tái ch ế (96% vật l iệu tái ch ế)			
	ệ m chân Đch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài	Đ Phlon/cao su			
	Ch ố m ảng tr ợt ế ngoài (mài mòn)	? 150	81.0	mm
	a đế ngoài SRA gót chân	? 0.28	0.48	ma sát
	a đế ngoài SRA Phầ t g	? 0.32	0.45	ma sát
	a đế ngoài SRB gót chân	? 0.13	N/A	ma sát
	ộc đế ngoài SRB phần g	? 0.18	N/A	ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20	34	J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Safety Jogger có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tên và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ế t ơn vị u	đo l Đ ờn g q
i **CO** phát thả			
	V ật l iệu	1.98	kg
	Bao bì	0.10	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
			4.24 kg CO2/ cặp

	Sự miêu t ả	ế t u	K q
ệ vật l Tiệ	ý tái ch ế		
	Product	16%	
	Bao bì	98%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá trị tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến tiêu chuẩn và có thể thay đổi.